

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN H

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08/8/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Từ Tứ Hải**

2. Ông **Đình Khắc Việt**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Không tham gia
phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim L** - sinh năm 1982 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Tăng Văn T** - sinh năm 1975 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Huỳnh Thị Kim L trình bày:**

Chị L và anh Tăng Văn T chung sống với nhau vào tháng 4/1998, không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi chung sống vợ chồng không có tìm hiểu nhau trước do mai mối nhưng hai bên cũng đồng ý cưới nhau làm vợ chồng, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên:

- Tăng Thị Diễm T – sinh ngày 10/5/2000

- Tăng Thị Thúy D – sinh ngày 09/9/2003

- Tăng Văn H – sinh ngày 30/10/2005 hiện nay cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường. Cháu D hiện đang sống với anh T và cháu H hiện đang sống với chị L.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh T thường ăn nhậu, không lo làm ăn từ đó dẫn đến vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Về tài sản chung của vợ chồng: không có.

Về phần nợ: không có.

Tại phiên tòa chị L yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: chị L xin được ly hôn với anh Tăng Văn T.

Về con chung: cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L giao cháu D cho anh T nuôi dưỡng, chị L xin nuôi cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 28/6/2019 bị đơn anh Tăng Văn T trình bày:** qua lời trình bày của chị L về năm vợ chồng chung sống, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới, có 03 con chung, không có tài sản và không có nợ là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Tại tòa án anh T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: anh T đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim L.

Về con chung: cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T xin nuôi cháu D, giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Tăng Văn T với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh T vắng mặt. Xét thấy anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T xác nhận anh chị chung sống với nhau vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của luật này đều không có giá trị pháp lý.*

Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”.

Bởi vì chị L và anh T chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T không có giá trị pháp lý. Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận chị L và anh T là vợ chồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị L và anh T xác nhận vợ chồng có 03 người con chung là Tăng Thị Diễm T – sinh ngày 10/5/2000, Tăng Thị Thúy D – sinh ngày 09/9/2003 và Tăng Văn H – sinh ngày 30/10/2005, cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường. Cháu D hiện đang sống với anh T và cháu H hiện đang sống với chị L.

Xét yêu cầu của chị L và việc xin được nuôi cháu H, giao cháu D cho anh Thảo nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *“vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.* Tại biên

bản hòa giải ngày 11/7/2019 chị L và anh T thỏa thuận cháu T hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết, giao cháu D cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con và nguyện vọng của cháu D là sống với anh T, nguyện vọng cháu H là được sống với chị L, nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L, anh T và nguyện vọng của cháu D, cháu H. Tiếp tục giao cháu Tăng Thị Thúy D – sinh ngày 09/9/2003 cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Tăng Văn H – sinh ngày 30/10/2005 cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết anh chị có quyền xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí HNST: Buộc chị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003395 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 147, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010; các Điều 51, 53, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Kim L và anh Tăng Văn T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Huỳnh Thị Kim L, anh Tăng Văn T và nguyện vọng của cháu D, cháu H.

Tiếp tục giao cháu Tăng Thị Thúy D – sinh ngày 09/9/2003 cho anh Tăng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Tiếp tục giao cháu Tăng Văn H – sinh ngày 30/10/2005 cho chị Huỳnh Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không người nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết anh chị có quyền xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí HNST: Buộc chị Huỳnh Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003395 ngày 20/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Ái